TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 88/2020/QĐST-HNGĐ	*Thủ Dầu Một, ngày 06 tháng 03 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 76/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

1. Bà Lê Thị Lan P, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 21, đường 21, Khu NCĐT KV4, phường A, quận N, Thành phố Cần Thơ; địa chỉ liên hệ: Đường 9, Khu phố 1, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Lê Đình H, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 21, đường 21, Khu NCĐT KV4, phường A, quận N, Thành phố Cần Thơ; địa chỉ liên hệ: Đường 9, Khu phố 1, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Lan P và ông Lê Đình H chung sống và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 73, ngày 20 tháng 10 năm 2016 tại UBND phường V, thị xã T, tỉnh Hậu Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng không có hạnh phúc. Bà P và ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do bà P và ông H đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình

nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Qúa trình chung sống bà Lê Thị Lan P và ông Lê Đình H có 02 con chung là Lê Thị Phương Q, sinh ngày 21/11/2009 và Lê Phương V, sinh ngày 27/01/2012. Bà P và ông H thỏa thuận giao hai con chung Lê Thị Phương Q, sinh ngày 21/11/2009 và Lê Phương V, sinh ngày 27/01/2012 cho bà Lê Thị Lan P trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục. Thỏa thuận của bà P, ông H phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Lan P và ông Lê Đình H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Lê Thị Phương Q, sinh ngày 21/11/2009 và Lê Phương V, sinh ngày 27/01/2012 cho bà Lê Thị Lan P trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Ông Lê Đình H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con nếu cần thiết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị Lan P nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng); ông Lê Đình H nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0041514 ngày

27/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP.Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP.Thủ Dầu Một;
- UBND phường V, thị xã T, tỉnh Hậu Giang;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Minh Nga